TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2021/HS-ST
Ngày: 26/01/2021.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa : Bà Trần Thị Thanh Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Lê Hồng Tâm.

2.Ông Nguyễn Văn Hóa.

-Thư ký phiên tòa: Ông Tôn Thất Nhật Tài- Thư ký Tòa án nhân dân huyện P.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thuận- Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 01/2021/HSST ngày 05 tháng 01 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXXST ngày 15/01/2021 đối với bị cáo:

Trần Lê Anh T, sinh ngày 02/8/2001 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; Nơi cư trú: TDP D, thị trấn Th, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: thợ kép; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Hữu L (đã chết) và bà Lê Thị D, sinh năm: 1970; vợ, con: chưa có; tiền sự: tiền án: không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Anh Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1999; trú tại: TDP D, thị trấn Th, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1.Anh Trần Văn R, sinh năm 1992; trú tại: TDP D, thị trấn Th, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

2. Anh Trần Thành T, sinh năm 1995; trú tại: 316 T, phường Ph, thành phố Huế. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền tiêu xài nên khoảng 14 giờ 00 phút, ngày 23/9/2020, Trần Lê Anh T nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của anh Nguyễn Văn Ph, T đi bộ đến nhà anh Ph và nói dối với anh Ph cho T mượn xe mô tô lên chợ Nọ xã P có chút

việc, khoảng 15-20 phút sẽ về trả xe. Anh Ph đã cho T mượn xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, BKS 75H1-565.10, có giấy tờ đăng ký xe mô tô bỏ trong cốp xe. Sau khi được giao xe, T không đi đến chợ Nọ mà đi lên nhà anh Trần Thành T tại 316 T, phường Ph, thành phố Huế cầm cố xe mô tô nói trên để vay của anh T số tiền 15.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền cầm xe, T sử dụng trả nợ và tiêu xài cá nhân hết. Anh Ph không thấy T đưa xe về trả đã trình báo Công an đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật. Quá trình điều tra, T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 58/KL-HĐĐGTS ngày 08/10/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Phú Vang, kết luận:

- 01 (một) xe mô tô BKS 75H1-565.10 nhãn hiệu Honda Airblade, sơn màu trắng, đen, đỏ, số máy JF63B2421757, số khung 6318KZ006797 đã qua sử dụng có giá trị 28.000.000 đồng.

Về tạm giữ và xử lý vật chứng của vụ án:

- 01 (một) xe mô tô BKS 75H1-565.10 nhãn hiệu Honda Airblade, sơn màu trắng, đen, đỏ, số máy JF63B2421757, số khung 6318KZ006797

- 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 75H1-565.10 mang tên Nguyễn Văn Ph.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là anh Nguyễn Văn Ph đã nhận lại tài sản bị mất trộm và không yêu cầu bồi thường gì thêm, anh Trần Hữu R là anh trai T đã trả lại cho anh T số tiền T vay, không ai có yêu cầu gì đối với bị cáo.

Tại bản cáo trạng số 03/CT-VKS-PV ngày 04/01/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố bị cáo Trần Lê Anh T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015; sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo Trần Lê Anh T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản cáo trạng của Viện kiểm sát huyện Phú Vang đã truy tố, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác.

- Đại diện viện kiểm sát huyện P giữ nguyên quan điểm truy tố. Sau khi phân tích đánh giá chứng cứ, xem xét tính chất, mức độ nghiêm trọng và hậu quả đối với hành vi của bị cáo; trên cơ sở xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 174; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, tuyên bố bị cáo Trần Lê Anh T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và xử phạt bị cáo Trần Lê Anh T từ 06 tháng đến tháng 09 tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo thu nhập không ổn định nên đề nghị không áp dụng.

Về xử lý vật chứng: Đối với 01 (một) xe mô tô BKS 75H1-565.10 nhãn hiệu Honda Airblade, sơn màu trắng, đen, đỏ, số máy JF63B2421757, số khung 6318KZ006797; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 75H1-565.10 mang tên Nguyễn Văn Phúc bị cáo đã chiếm đoạt của anh Phúc nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Vang đã trả lại vật chứng cho anh Phúc là đúng quy định của pháp luật, đề nghị không xem xét.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án không yêu cầu gì thêm nên đề nghị không xem xét.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo rất ăn năn, hối hận về hành vi phạm tội của mình, xin lỗi bị hại và mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo hưởng án treo để trở thành công dân có ích cho xã hội, chăm lo cho mẹ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

- Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

- Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa, bị hại là anh Nguyễn Văn Phúc có đơn xin vắng mặt, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đếnvụ án là anh Trần Thành T vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, lời khai của họ đầy đủ, rõ ràng, không mâu thuẫn với lời khai của bị cáo, được thể hiện trong hồ sơ vụ án nên việc vắng mặt họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[2] Về hành vi của bị cáo: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, Trần Lê Anh T khai nhận vào khoảng 14 giờ 00 phút ngày 23/9/2020, bị cáo đã có thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của anh Nguyễn Văn Ph ở tổ dân phố Diên Trường, thị trấn T, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế 01 (một) xe mô tô BKS 75H1-565.10 nhãn hiệu Honda Airblade có giá trị 28.000.000 đồng (Hai mươi tám triệu đồng). Hành vi này của bị cáo Trần Lê Anh T đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên phải xử lý bằng hình sự.

Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp lời khai của bị hại và những người tham gia tố tụng khác; biên bản ghi lại hiện trường và các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan thể hiện trong hồ sơ vụ án. Bị cáo là người đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác. Do đó, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" được quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện P truy tố bị cáo theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự 2015; sửa đổi bổ sung năm 2017 và lời buộc tội của Kiểm sát viên tại phiên toà là có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ và làm ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm để giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

Bị cáo không phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đã tác động gia đình khắc phục hậu quả, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015; sửa đổi bổ sung năm 2017.

[4] Về biện pháp chấp hành hình phạt: Xét tính chất, mức độ nguy hiểm và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, trên cơ sở xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy rằng bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, phạm tội khi tuổi đời còn trẻ, bản thân mồ côi cha từ nhỏ nên việc giáo giục, uốn nắn của gia đình có phần hạn chế. Vì vậy, cần tạo điều kiện cho bị cáo lao động tại cộng đồng, không cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội để bị cáo có cơ hội chứng tỏ sự hối cải, hoàn lương của mình ngay trong môi trường xã hội bình thường. Việc cho bị cáo hưởng án treo là phù hợp và đủ tác dụng răn đe, phòng ngừa chung, thể hiện chính sách nhân đạo, khoan hồng của pháp luật.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo thu nhập không ổn định nên đề nghị không áp dụng.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 (một) xe mô tô BKS 75H1-565.10 nhãn hiệu Honda Airblade; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 75H1-565.10 mang tên Nguyễn Văn Ph bị cáo đã chiếm đoạt của anh Ph nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P đã trả lại vật chứng cho anh Ph là đúng quy định của pháp luật.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã nhận lại toàn bộ tài sản bị chiếm đoạt, không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo Trần Lê Anh T phạm tội " Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt bị cáo Trần Lê Anh T 01 (một) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho UBND thị trấn T, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp người được hưởng án treo phạm tội mới trong thời gian thử thách thì Tòa án quyết định hình phạt đối với tội phạm mới và tổng hợp hình phạt với bản án trước theo quy định tại Điều 55, 56 Bộ luật hình sự.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Trần Lê Anh T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, anh Trần Thành Tâm có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TT-Huế;
- VKSND tỉnh TT-Huế;
- VKSND huyện P;
- Công an huyện P;
- Phòng PV27 Công an tỉnh TT-Huế.
- Chi cục THADS huyện P;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thanh Vân